

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 22-4-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rõn;

2. Bà Thi Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (A); Địa chỉ: Số D, Đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp: Ông Phạm Minh T, chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, Số D, Đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 31-3-2025 – Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-9-2023, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á (A) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) trình bày và yêu cầu:

[Ngân hàng A](#) cấp tín dụng cho bà [Nguyễn Thu P](#) theo Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.562.301119 ngày 30-11-2019 (Số tài khoản vay 297304339) chi tiết như sau:

Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng;

Mục đích vay: Tiêu dùng - Không có TSDB - Lẻ - qua thẻ [Ngân hàng A](#) - cho vay mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình;

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần;

Phương thức giải ngân: Toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần vào tài khoản thanh toán số 9808557 của bà [Nguyễn Thu P](#) mở tại [Ngân hàng A](#);

Thời hạn cho vay: 49 tháng kể từ ngày kế tiếp bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu;

Lãi suất trong hạn: Lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 10,5%/ năm (LS1); Lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế: 20,58%/năm (LS2); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (LS2); Lãi suất phạt chậm trả: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cấp tín dụng bà [P](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ với [Ngân hàng A](#). Do đó căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 05-7-2023, [Ngân hàng A](#) thông báo thu hồi nợ trước hạn với toàn bộ khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 14-02-2025 bà [P](#) còn nợ [Ngân hàng A](#) 114.073.880 đồng, cụ thể: Vốn gốc: 58.155.000 đồng, lãi trong hạn: 17.981.250 đồng, lãi quá hạn: 30.496.822 đồng, phạt chậm trả lãi: 7.440.808 đồng.

Nay [A](#) yêu cầu:

Buộc bà [P](#) trả ngay cho [Ngân hàng A](#) tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 22-4-2025 là 114.823.764 đồng, gồm: Vốn gốc: 58.155.000 đồng; Lãi trong hạn: 17.981.250 đồng; Lãi quá hạn: 33.792.203 đồng; Phạt chậm trả lãi: 4.895.311 đồng.

Bên cạnh đó buộc bà [P](#) tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 23-4-2025 cho đến khi trả hết nợ. Thứ tự trả nợ: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- *Tại Bản tự khai ngày 14-02-2025 và các văn bản tiếp theo, bị đơn bà [Nguyễn Thu P](#) trình bày:*

Bà thống nhất toàn bộ trình bày theo nội dung khởi kiện của [Ngân hàng A](#).

Hiện nay do điều kiện bà quá khó khăn nên bà đồng ý trả cho [Ngân hàng A](#) số tiền vốn gốc: 58.155.000 đồng; Bà xin được trả góp hàng tháng cho Ngân hàng, không đủ điều kiện trả một lần.

Riêng đối với phần tiền lãi trong hạn: 17.981.250 đồng; Lãi quá hạn: 30.496.822 đồng; Phạt chậm trả lãi: 7.440.808 đồng bà xin Ngân hàng không tính

lãi, vì hiện hoàn cảnh kinh tế và hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, bà đã mất khả năng thanh toán.

Vụ án được hòa giải tại Tòa án nhưng không thành.

– Ngày 21-4-2025, ông [Phạm Minh T](#) đại diện hợp pháp của [Ngân hàng A](#) có đơn xin xét xử vắng mặt.

– Ngày 21-4-2025, bị đơn là bà [Nguyễn Thu P](#) có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] [Ngân hàng TMCP Á \(A\)](#) khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà [Nguyễn Thu P](#), Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn [Ngân hàng A](#) và bị đơn là bà [Nguyễn Thu P](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét các yêu cầu của [Ngân hàng A](#):

[4.1] Xét [Ngân hàng A](#) yêu cầu bà [Nguyễn Thu P](#) phải trả cho [Ngân hàng A](#) tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 22-4-2025 là 114.823.764 đồng, gồm: Vốn gốc: 58.155.000 đồng; Lãi trong hạn: 17.981.250 đồng; Lãi quá hạn: 33.792.203 đồng; Phạt chậm trả lãi: 4.895.311 đồng.

Yêu cầu của [Ngân hàng A](#) phù hợp với nội dung Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.562.301119 ngày 30-11-2019 (Số tài khoản vay 297304339) được ký kết giữa [Ngân hàng A](#) với bà [P](#), Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của [Ngân hàng A](#), phù hợp với thừa nhận của bà [P](#) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên chấp nhận.

[4.2] Xét [Ngân hàng A](#) yêu cầu bà [P](#) tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 23-4-2025 cho đến khi trả hết nợ; Thứ tự trả nợ: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn, là phù hợp Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.562.301119 ngày 30-11-2019 (Số tài khoản vay 297304339) nên chấp nhận.

[5.3] Xét bị đơn là bà [P](#) không thống nhất trả các khoản lãi, phạt chậm trả lãi theo yêu cầu của [Ngân hàng A](#) do điều kiện kinh tế và gia đình bà hiện nay quá khó khăn, mất khả năng chi trả là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Bà P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 114.823.764 đồng, nên có nghĩa vụ nộp 5.741.188 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng A 1.989.025 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Á (A) đối với bà Nguyễn Thu P.

Buộc bà Nguyễn Thu P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á (A) 114.823.764 đồng (Một trăm mười bốn triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật, gồm: Vốn gốc: 58.155.000 đồng; Lãi trong hạn: 17.981.250 đồng; Lãi quá hạn: 33.792.203 đồng; Phạt chậm trả lãi: 4.895.311 đồng, tạm tính đến ngày 22-4-2025;

Buộc bà Nguyễn Thu P có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh, theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.562.301119 ngày 30-11-2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á (A) với bà Nguyễn Thu P (Số tài khoản vay 297304339), thời gian tính từ ngày 23-4-2024 đến khi trả hết nợ; Thứ tự trả nợ: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thu P phải chịu 5.741.188 đồng (Năm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP Á (A) 1.989.025 đồng (Một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0024412 ngày 27-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương